

Tên:

Nghe:

Lớp: S8...



Ngày làm bài: Thứ, ngày/.....

GLOBAL ENGLISH 8

UNIT 2: DESIGN AND ARCHITECTURE – VOCABULARY 1 & FCE LISTENING

CLASSWORK

A. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	equipment (n)	thiết bị, dụng cụ	3	sightseeing (n)	việc tham quan, ngắm cảnh
2	highlight (n)	điểm nổi bật nhất	4	accommodation (n)	chỗ ở

*Note: *n* = noun: danh từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. TIPS

☒ Step 1: Underline Keywords (Gạch chân từ khóa)

Mục tiêu: Giúp não tập trung vào thông tin quan trọng trước khi nghe.

Cách làm:

- Khi đọc câu hỏi và 3 lựa chọn A/B/C, hãy gạch chân các từ khóa chính – thường là **danh từ, động từ, tính từ mô tả**, vì những loại từ này thường chứa thông tin quan trọng trong câu.
- Từ khóa giúp con biết nội dung cần nghe (what to listen for) và giúp não so sánh thông tin nhanh hơn.

🔍 **Ví dụ:** Grace travelled around South Island on a bus called (9)

→ Khi nghe, con cần tập trung vào các thông tin này để tìm được tên chiếc xe buýt mà Grace đã đi ở South Island.

☒ Step 2: Watch Out for Traps (Coi chừng bẫy)

Mục tiêu: Tránh bị đánh lừa bởi từ giống nhau giữa bài nghe và đáp án, nhưng ngữ cảnh hoặc ý nghĩa lại không khớp.

Cách làm:

- Đề bài thường cố tình đưa từ giống nhau vào câu sai, nhưng nếu nghe kỹ con sẽ thấy ngữ cảnh không phù hợp.
- Đừng chọn đáp án chỉ vì con nghe thấy từ đó – hãy chắc chắn nó trả lời đúng câu hỏi!

🔍 Ví dụ mẫu:

What sport does the girl want to try next week?

- A. Tennis
- B. Basketball
- C. Swimming

🔊 Transcript:

Boy: So, did you enjoy your swimming class yesterday?

Girl: Yeah, it was fun! But I've been doing that every week for months. I want to try something different now.

Boy: Like what?

Girl: I think tennis sounds exciting. I even bought a new racket!

🔍 Phân tích:

- Cả A. Tennis và C. Swimming đều được nhắc đến trong đoạn hội thoại.
- Tuy nhiên, câu hỏi là: “Môn thể thao nào cô bé muốn thử vào tuần sau?”, không phải “Môn thể thao cô bé đã chơi”.
- Nếu con chỉ nghe thấy từ swimming và chọn ngay đáp án C là sai. Vì swimming là môn cô bé đã học trong thời gian qua, chứ không phải môn cô ấy muốn thử.
- Tennis là môn thể thao mới mà cô bé muốn thử trong tuần sau, thậm chí còn nói đã mua vợt mới → Đáp án đúng là A. Tennis.

🔍 Các loại bẫy thường gặp:

- Bẫy lệch thì thời (Past vs Future):

- Transcript nhắc đến hành động *trong quá khứ* nhưng câu hỏi hỏi về *hiện tại/tương lai*.
- Ví dụ: “He visited Paris last year” ≠ “Where is he going next month?”
- 2. Bẫy trái ngược (But/However/Though):
 - Thông tin trước “but/however” thường sai, thông tin sau mới là đáp án.
 - Ví dụ: “She likes coffee, but she usually drinks tea.”
- 3. Bẫy nhắc lại (Repetition with correction):
 - Người nói ban đầu nói một thông tin, sau đó sửa lại.
 - Ví dụ: “The meeting is on Monday... oh no, sorry, it’s on Tuesday.”
- 4. Bẫy từ giống nhau (Word spotting):
 - Đáp án sai có cùng từ với transcript nhưng nghĩa khác.
 - Ví dụ: Câu hỏi về “*main reason*” nhưng transcript chỉ có thông tin “*another reason*”. Đây có thể chưa phải đáp án đúng.
- 5. Bẫy so sánh (Comparatives):
 - Transcript nói “cheaper than before” nhưng câu hỏi hỏi về “the cheapest option”.

C. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/043_fce_ptp_t2_p2-2

Part 2

You will hear a woman called Grace Connolly talking about her travel experiences in New Zealand. For questions 9–18, complete the sentences with a word or short phrase.

New Zealand journey

Grace travelled around South Island on a bus called (9) _____.

The first part of Grace’s trip was along the (10) _____ coast of the island.

On a day trip to Kaikoura, Grace especially wanted to see the (11) _____.

Grace has stayed in contact with a friend from (12) _____ since returning home.

Grace took her own (13) _____ to New Zealand, so she didn’t need to rent one.

Grace’s favourite activity on the trip was jet-boating on the Buller River with a company called (14) _____.

Grace went to the hospital because she hurt her (15) _____.

At a market, Grace bought a (16) _____ to take home.

Grace’s favourite hostel was called (17) _____.

When she next visits North Island, Grace plans to go (18) _____ with friends.

Tên:

Lớp: S8...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Từ vựng & Ngữ pháp:

Nghe:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 8

UNIT 2: DESIGN AND ARCHITECTURE – VOCABULARY 1 & FCE LISTENING

A. VOCABULARY

- Shapes

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	cone (n)	hình nón	7	triangular (adj)	có hình tam giác
2	sphere (n)	hình cầu	8	egg-shaped (adj)	có hình quả trứng
3	cube (n)	hình lập phương	9	originate (in) (v)	bắt nguồn từ (nơi, nguồn gốc)
4	cylinder (n)	hình trụ	10	variation (n)	sự biến đổi, dạng khác
5	square-based (adj)	có đáy hình vuông	11	original design (n)	thiết kế nguyên bản, thiết kế ban đầu
6	pyramid (n)	hình chóp (kim tự tháp)	12	standard (n/adj)	tiêu chuẩn

- Materials

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	concrete (n)	bê tông	3	metal (n)	kim loại
2	clay (n)	đất sét	4	brick (n)	gạch

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	premature (adj)	sinh non, sớm hơn dự kiến	4	image (n)	hình ảnh (thương hiệu, phong cách)
2	identical (adj)	giống hệt nhau	5	promote (v)	quảng bá
3	argue (v)	tranh cãi			

*Note: *n* = noun: danh từ; *adj* = adjective: tính từ; *v* = verb: động từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1** dòng vào vở ghi.

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the correct answers.

0. A traffic cone is a tall object with a circular base that narrows to a point. Its shape is a _____.

A. sphere **B. cone** C. cube D. cylinder

1. A basketball is perfectly round, which means it has the shape of a _____.

A. pyramid B. variation C. sphere D. triangular

2. This gift box has six equal square sides, so it's in the shape of a _____.

A. cube B. cone C. cylinder D. square-based

3. Many ancient Egyptian tombs were built in the shape of a _____ with four triangular sides.

A. sphere B. pyramid C. variation D. egg-shaped

4. The old castle tower is a tall, round structure with a flat top and bottom — it's shaped like a _____.

A. cube B. pyramid C. cylinder D. cone

5. The architect's first sketch was the _____ design, but he made several changes before construction began.

A. variation B. originate C. square-based D. original

II. Fill in the blanks with the correct words in the box. Use each word only ONCE.

<i>cone</i>	egg-shaped	standard	originate	variation	square-based
-------------	-------------------	-----------------	------------------	------------------	---------------------

Last weekend, our class visited a modern art exhibition in the city. The first piece we saw was a large sculpture shaped like a(n) (0) **cone**, standing right in the middle of the entrance hall. Next to it, the main gallery was built on a(n) (1) _____ floor plan, making it easy for visitors to move around and view the artworks. In the garden outside, there was a(n) (2) _____ fountain made of polished metal that reflected sunlight beautifully. Some of the designs on display (3) _____ in ancient building techniques but have been adapted for modern architecture. The final section of the exhibition showed a (4) _____ of a famous design, using colourful bricks instead of the usual concrete to give it a warmer look. Everyone agreed that the whole experience was far above the usual (5) _____ for local art events.

III. Write the ABSTRACT NOUNS matching the given adjectives.

- | | |
|--------------|-----------------------|
| 0. friendly | → <u>friendliness</u> |
| 1. creative | → _____ |
| 2. generous | → _____ |
| 3. courage | → _____ |
| 4. ambitious | → _____ |
| 5. tolerant | → _____ |

IV. Read the text about an architecture exhibition, then answer the questions in FULL SENTENCES.

Last weekend, our school's art club visited a modern architecture exhibition in the city center. The exhibition displayed various models of buildings made from different materials such as concrete, metal, clay, and brick. Some of the most eye-catching designs had unusual shapes: a hotel shaped like a giant cone, a library in the form of a perfect cube, and a museum with a square-based pyramid roof.

One section showed futuristic houses with smooth egg-shaped walls and windows arranged in a triangular pattern. Another display introduced a group of designers whose works originate in Scandinavia but have been adapted for local climates. The guide explained that each building had several variations from the original design to meet the city's standards for safety and appearance.

After the tour, we joined a short workshop where we built small models using clay and painted them. It was inspiring to see how different shapes and materials could change the way a building feels and functions.

Questions:

0. What materials were used in the exhibition?
→ Concrete, metal, clay, and brick were used in the exhibition.
1. What was the hotel in the exhibition shaped like?
→ _____.
2. What did the museum's roof look like?
→ _____.
3. Where do the designers' works originate?
→ _____.
4. Why were the buildings changed from the original design?
→ _____.

Extra question: Which building shape do you like the most from the exhibition?

→ _____.

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/succeed-in-cambridge-b1-preliminary-test-1-part-3>

PART 3 Questions 14-19

For each question, write the correct answer in the gap.
Write **one or two words** or a **number** or a **date** or a **time**.

You will hear a tour guide giving information about an old British house.

Stonebridge House

The house was built in the (14)

The Reynold family lived in the house until (15)

The servants had rooms in the (16)

The art collection is in the (17)

George Reynold was a (18)

George's brother died in a (19) accident.

Part 2

You will hear a singer called Tim Tanner, who sings with his twin brother Sam Tanner, talking about their lives and career.

For questions 9–18, complete the sentences with a word or short phrase.

Singing twins: Tim and Sam Tanner

The name of the TV talent show the twins won is (9) _____.

Tim is exactly (10) _____ older than Sam.

The twins were born in the month of (11) _____.

The main physical difference between Tim and Sam is their (12) _____.

Tim is less (13) _____ than Sam.

At school, both Tim and Sam were good at (14) _____.

Sam started (15) _____ lessons when he was thirteen.

Sometimes the twins argue because they share the same (16) _____.

A big part of the twins' image is the (17) _____ they wear.

The twins' next album is called (18) _____.